

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **374/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 23 - 9 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Huỳnh Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Mộng C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2020 anh N và chị C được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 31/12/2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2020). Thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh N xác định do chị C gian dối trong việc quản lý vàng cưới, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cự cãi với nhau, chị C bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, anh N đã liên hệ hàn gắn nhiều lần nhưng không được, anh N xác định đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Anh N yêu cầu ly hôn với chị C. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2022 của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Chị C thống nhất ly hôn với anh N. Chị C xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị C được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng anh N và chị C không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N và chị C đều cương quyết ly hôn với nhau, từ đó chứng minh được anh N và chị C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2020 ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Anh N và chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N.

- Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn N ly hôn với chị Huỳnh Mộng C.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2020 ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005197 ngày 29/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã P;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải